TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:37./2022/HNGĐ-ST
Ngày 14/11/2022
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Hường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải
2. Ông Y Dhiễu Hmok

Thư ký phiên toà: Ông Thiều Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST–HNGĐ ngày 04/4/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 29 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đan Th;

Địa chỉ nơi cư trú: Số 31/1 N, TDP A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

Bị đơn: Anh Lê Văn M.

Địa chỉ: Số 31/1 N, TDP A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 và trong bản tự khai, quá trình hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đan Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tình yêu tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau tôi và anh Lê Văn M có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2009, tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, anh M không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, thường hay bỏ nhà đi rồi lại về, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay tôi xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chungnhận thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn M.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung là cháu Lê Tuệ T, sinh ngày 03/11/2009, hiện nay cháu T đang sống cùng với tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đến khi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

-Đối với bị đơn anh Lê Văn M đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án không lấy lời khai và không tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với anh M được.

Tại biên bản xác minh ngày 18/5/2022, tại UBND phường A, thị xã B: Ông Lê Văn M có hộ khẩu thường trú tại TDP A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Ông M thường xuyên đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà rồi lại đi, hiện tại ông M không có mặt tại địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chúng tôi không biết và chị Th, anh M đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án, vi phạm các Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đan Th được ly hôn với anh Lê Văn M; Về con chung: Giao con chung Lê Tuệ T, sinh ngày 03/11/2009 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi tưởng thành (tròn 18 tuổi), về cấp dưỡng và về tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Bị đơn anh Lê Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] ***Về quan hệ pháp luật:*** Chị Nguyễn Thị Đan Th và anh Lê Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2009 tại UBND xã T, huyện K, Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3] ***Về nội dung tranh chấp***:

Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Chị Nguyễn Thị Đan Th và anh Lê Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2009

tại UBND xã T, huyện K, Đắk Lắk, sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xãy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau và anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th yêu cầu được ly hôn anh M cơ bản phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[4] ***Về con chung:*** Chị Nguyễn Thị Đan Th và anh Lê Văn M có 01 con chung là Lê Tuệ T, sinh ngày 03/11/2009. Hiện nay cháu T đang sống cùng với chị Thuỳ. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung đến khi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Xét nguyện vọng của chị Th phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HNGĐ, cần chấp nhận.

[5] ***Về tài sản và công nợ chung:*** Các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] ***Về án phí:*** Chị nguyễn Thị Đan Th chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; các điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đan Th.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đan Th được ly hôn với anh Lê Văn M.

2.Về con chung: Giao con chung Lê Tuệ T, sinh ngày 03/11/2009 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi tưởng thành (tròn 18 tuổi), về cấp dưỡng chị Th không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Anh Lê Văn M được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con chung Toà án thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đan Th chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0007294 ngày 31/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND P.An Bình
- THA DS thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Đinh Thị Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hường